

Superior Court of Washington, County of _____
Tòa Thượng Thẩm Tiểu Bang Washington, Quận _____

In re:

Về việc:

Petitioner/s (see * below):

Và (Các) (xem bên dưới):

And Respondent/s (other party/parties):

Và (Các) Bị Đơn (bên khác/các bên khác):

No. _____

Không.

**Petition to Change a Parenting Plan or
Other Custody Order
(PTMD)**

Đơn Xin Thay Đổi một Chương Trình Nuôi
Dạy Con hoặc Lệnh Giám Hộ Khác
(PTMD)

Petition to Change a Parenting Plan or Other Custody Order
Đơn Xin Thay Đổi một Chương Trình Nuôi Dạy Con hoặc Lệnh Giám Hộ Khác

**If you're filing this Petition in:*

Nếu quý vị đang nộp Đơn Xin này theo:

- *the **same** case number as the current parenting/custody order, the person who is listed as the Petitioner in the current order will stay Petitioner, even if s/he is not the person asking for the change now.*

***cùng** số vụ kiện như án lệnh giám hộ/nuôi dạy con hiện tại, người được liệt kê với tư cách là Nguyên Đơn trong án lệnh hiện tại sẽ vẫn giữ là Nguyên Đơn, dù cho hiện tại anh/cô ấy đang không phải là người yêu cầu thay đổi.*

- *a **different** case number or county from where the current parenting/custody order was issued, the person asking for the change may be the Petitioner.*

*một số vụ kiện **khác** hoặc quận khác với nơi mà án lệnh giám hộ/nuôi dạy con hiện tại đã được ban hành, người yêu cầu thay đổi có thể không phải là Nguyên Đơn.*

To modify a parenting/custody order from a sealed Parentage case, contact the Superior Court Clerk's office about who to list as Petitioner and if there is a new case number.

Để sửa đổi một án lệnh giám hộ/nuôi dạy con từ một vụ kiện Phụ Hệ đã được công nhận, xin liên hệ văn phòng Lục Sự Tòa Thượng Thẩm về việc ai sẽ được liệt kê với tư cách là Nguyên Đơn và nếu có một số vụ kiện mới.

Do **not** use this form if you want to terminate or change a non-parent custody order. Use form GDN M 502 instead.

Không sử dụng mẫu đơn này nếu quý vị muốn chấm dứt hoặc thay đổi một lệnh giám hộ không phải phụ huynh. Thay vào đó xin sử dụng mẫu đơn GDN M 502.

**1. Who is asking to change the parenting/custody order?
Ai đang yêu cầu thay đổi lệnh giám hộ/nuôi dạy con?**

(Name): _____

(Tên): _____

I live in (county): _____ (state): _____

Tôi sống ở (quận): (tiểu bang): _____

**2. Who is the other parent involved in this case?
Ai là phụ huynh kia có liên quan đến vụ kiện này?**

(Name): _____

(Tên): _____

who lives in (county): _____ (state): _____

người sống ở (quận): (tiểu bang): _____

**3. Who are the children involved in this case?
Những đứa trẻ có liên quan đến vụ kiện này là những ai?**

Child's name Tên đứa trẻ	Age Tuổi	Child's name Tên đứa trẻ	Age Tuổi
1.		2.	
3.		4.	
5.		6.	

**4. Describe the parenting/custody order you have now:
Xin miêu tả án lệnh giám hộ/nuôi dạy con mà quý vị có hiện giờ:**

My current parenting/custody order is a (check one):

Án lệnh giám hộ/nuôi dạy con hiện tại của tôi là một (đánh dấu chọn một):

Parenting Plan

Chương Trình Nuôi Dạy Con

Residential Schedule

Lịch Biểu Sống Tại Nhà

Final Parentage Order

Lệnh Quan hệ Cha mẹ - Con Chính thức

Other (title of order): _____

Khác (tiêu đề của án lệnh): _____

signed by a court on _____ in _____

đã được tòa ký vào tại _____

date
ngày

county and state
quận và tiểu bang

Important! Attach or file a certified copy of the current parenting/custody order that you want to change **if** it was issued in a different county or state.

Thông Tin Quan Trọng! Xin đính kèm hoặc nộp một bản sao được chứng thực của án lệnh giám hộ/nuôi dạy con hiện tại mà quý vị muốn thay đổi **nếu** án lệnh này đã được ban hành ở một quận hoặc tiểu bang khác.

**5. Explain why you are filing your request for change with this court:
Xin giải thích tại sao quý vị đang nộp yêu cầu thay đổi của quý vị với
tòa này:**

I ask the court to make the changes requested in sections 6 through 12 below, and to approve my proposed *Parenting Plan* or *Residential Schedule* that is filed with this *Petition*. This *Petition* shows that I have valid reasons to ask for these changes. The changes are in the children's best interest.

Tôi yêu cầu tòa thực hiện các thay đổi được yêu cầu ở các phần 6 đến 12 bên dưới, và chấp thuận *Chương Trình Nuôi Dạy Con* hoặc *Lịch Biểu Sống Tại Nhà* được đề xuất của tôi mà được nộp với *Đơn Xin* này. *Đơn Xin* này cho thấy rằng tôi có các lý do hợp lý để yêu cầu những thay đổi này. Những thay đổi là vì lợi ích tốt nhất của con cái.

I am filing this *Petition* in this county court because (*check all that apply*):

Tôi đang nộp *Đơn Xin* này tại tòa của quận này bởi vì (*đánh dấu tất cả nếu thích hợp*):

- I live in this county.
Tôi sống tại quận này.
- the children live in this county.
những đứa con sống tại quận này.
- the other parent lives in this county.
phụ huynh kia sống tại quận này.
- the parenting/custody order that I want to change is from this county.
án lệnh giám hộ/nuôi dạy con mà tôi muốn thay đổi là từ quận này.

Note – If you need more space to explain in any of the sections below, you may add more pages to this *Petition*. Number, date and sign each page that you add.

Lưu ý – Nếu quý vị cần thêm khoảng trống để giải thích ở bất kỳ mục nào bên dưới, quý vị có thể thêm trang giấy vào *Đơn Xin* này. Số, ngày tháng, và ký mỗi trang mà quý vị thêm.

6. Request for major change (RCW 26.09.260(1) and (2)).

Yêu cầu về thay đổi lớn (RCW 26.09.260(1) và (2))

- No request.
Không có yêu cầu.
- I ask the court to make a major change in the parenting schedule or to change the person the child lives with most of the time. The situation of the children or the *other* parent has changed substantially.
Tôi yêu cầu tòa thực hiện một thay đổi lớn về lịch biểu nuôi dạy con hoặc thay đổi người mà đứa trẻ sống cùng trong hầu hết thời gian. Hoàn cảnh của những đứa con hoặc phụ huynh kia đã thay đổi một cách đáng kể.

Reason for major change (check all that apply):

Lý do thay đổi lớn (đánh dấu tất cả nếu thích hợp):

Note – Your reasons must be based on information that you learned about **after** the current parenting/custody order was issued, or if the order was uncontested (issued by default or agreement), your reasons may be based on information that was unknown to the court when the order was issued.

Lưu ý – Các lý do của quý vị phải được dựa trên thông tin mà quý vị đã biết **sau khi** án lệnh giám hộ/nuôi dạy con được ban hành, hoặc nếu án lệnh là không tranh cãi (đã được ban hành khiếm diện hoặc theo thỏa thuận), các lý do của quý vị phải được dựa trên thông tin mà tòa đã không biết đến khi án lệnh được ban hành.

[] the other parent and I agree with the changes asked for in my proposed *Parenting Plan* or *Residential Schedule*.

phụ huynh kia và tôi đồng ý với các thay đổi được yêu cầu trong *Chương Trình Nuôi Dạy Con* hoặc *Lịch Biểu Sống Tại Nhà* được đề xuất của tôi.

[] the children are living in my home now with the other parent's permission. This is very different than what was ordered in the current order.

con cái hiện tại đang sống chung nhà với tôi với sự cho phép của phụ huynh kia. Điều này rất khác hơn những gì đã được ra lệnh trong án lệnh hiện tại.

Explain:

Giải thích: _____

[] the children's current living situation is harmful to their physical, mental, or emotional health. It would be better for the children if the order is changed.

hoàn cảnh sống hiện tại của con cái là có hại cho sức khỏe thể chất, tinh thần và tình cảm của con cái. Nếu án lệnh được thay đổi thì sẽ tốt hơn cho con cái.

Explain:

Giải thích: _____

[] the other parent has not followed the court's order. A court found they are in contempt for disobeying the parenting schedule more than once in 3 years, or they are guilty of custodial interference in the first or second degree. (*RCW 9A.40.060* or *9A.40.070*)

phụ huynh kia đã không tuân theo án lệnh của tòa. Tòa đã phát hiện họ coi thường tòa vì đã không tuân thủ lịch biểu nuôi dạy con nhiều hơn một lần trong 3 năm, hoặc họ phạm tội cản trở sự trông nom mức độ một hoặc hai. (*RCW 9A.40.060* hoặc *9A.40.070*)

Explain:

Giải thích: _____

Include any limitations requested under RCW 26.09.191 in your proposed *Parenting Plan or Residential Schedule*.

Bao gồm bất kỳ hạn chế nào được yêu cầu theo RCW 26.09.191 trong *Chương Trình Nuôi Dạy Con hoặc Lịch Biểu Sống Tại Nhà* được đề xuất của quý vị.

7. Request for minor change (RCW 26.09.260(5), (7), and (9)).

Yêu cầu về thay đổi nhỏ (RCW 26.09.260(5), (7), và (9)).

No request.

Không có yêu cầu.

I ask the court to adjust the parenting schedule, but **not** change the person the child lives with most of the time. The situation of the children or a parent has changed substantially.

Tôi yêu cầu tòa điều chỉnh lịch biểu nuôi dạy con, nhưng **không** thay đổi người mà đứa trẻ sống cùng trong hầu hết thời gian. Hoàn cảnh của những đứa con hoặc phụ huynh.

Reason for minor change (check all that apply):

Lý do thay đổi nhỏ (đánh dấu tất cả nếu thích hợp):

Note – Your reasons must be based on information that you learned about **after** the current parenting/custody order was issued, or if the order was uncontested (issued by default or agreement), your reasons may be based on information that was unknown to the court when the order was issued.

Lưu ý – Các lý do của quý vị phải được dựa trên thông tin mà quý vị đã biết **sau khi** án lệnh giám hộ/nuôi dạy con được ban hành, hoặc nếu án lệnh là không tranh cãi (đã được ban hành khiếm diện hoặc theo thỏa thuận), các lý do của quý vị phải được dựa trên thông tin mà tòa đã không biết đến khi án lệnh được ban hành.

the current parenting/custody order is difficult to follow because the parent who has less residential time with the children has moved.

án lệnh giám hộ/nuôi dạy con hiện tại thì khó để tuân theo bởi vì phụ huynh là người có ít thời gian sinh sống với con cái hơn đã dọn đi.

the current parenting/custody order is difficult to follow because one parent's work schedule changed and the change was not by their choice.

án lệnh giám hộ/nuôi dạy con hiện tại thì khó để tuân theo bởi vì lịch biểu làm việc của một phụ huynh đã thay đổi và thay đổi này không phải do ý muốn của họ.

the requested change will affect the children's schedule on fewer than 25 full days a year.

thay đổi được yêu cầu sẽ ảnh hưởng đến lịch biểu của con cái cho ít hơn 25 ngày trọn vẹn trong một năm.

[] the requested change will impact the children’s schedule on more than 24 full days, but fewer than 90 overnights a year. This change is needed because the current parenting/custody order does not give the children a reasonable amount of time with one parent and it’s in the children’s best interest to have more than 24 full days of increased time with that parent.

thay đổi được yêu cầu sẽ tác động đến lịch biểu của con cái cho nhiều hơn 24 ngày trọn vẹn, nhưng ít hơn 90 ngày qua đêm trong một năm. Thay đổi này là cần thiết bởi vì án lệnh giám hộ/nuôi dạy con hiện tại không cho con cái lượng thời gian hợp lý với một phụ huynh và việc có hơn 24 ngày trọn vẹn của thời gian được tăng thêm với phụ huynh đó là vì lợi ích tốt nhất của con cái.

***Are there any limitations on the parent whose time would be increased?
Có bất kỳ hạn chế nào cho phụ huynh mà có thời gian nuôi dạy con sẽ được tăng thêm không?***

[] **No.** The current parenting/custody order does **not** limit that parent’s time with the children because of abandonment, abuse, domestic violence, sex offense, or other serious problems.

Không. Án lệnh giám hộ/nuôi dạy con hiện tại **không** hạn chế thời gian nuôi dạy con cái của phụ huynh đó do bởi việc bỏ rơi, ngược đãi, bạo lực gia đình, xâm hại tình dục, hoặc các vấn đề nghiêm trọng khác.

[] **Yes.** That parent’s time with the children is limited because of problems listed in the current parenting/custody order. I ask the court to allow that parent more parenting time with the children because the problems that caused the limitations have changed substantially.

Có. Thời gian nuôi dạy con cái của phụ huynh đó bị hạn chế do bởi các vấn đề được liệt kê trong án lệnh giám hộ/nuôi dạy con hiện tại. Tôi yêu cầu tòa cho phép phụ huynh đó có thêm thời gian nuôi dạy con cái bởi vì các vấn đề gây ra những hạn chế đã thay đổi đáng kể.

Explain:

Giải thích: _____

Has the parent whose time would be increased completed any required evaluations, treatment, or classes?

Phụ huynh mà có thời gian sẽ được tăng thêm đã hoàn thành bất kỳ các đánh giá, điều trị, hoặc lớp học nào theo yêu cầu chưa?

[] **Does not apply.** The current parenting/custody order does **not** require that parent to complete any evaluations, treatment, or classes.

Không áp dụng. Án lệnh giám hộ/nuôi dạy con hiện tại **không** yêu cầu phụ huynh đó hoàn thành bất kỳ các đánh giá, điều trị, hoặc lớp học nào.

[] **Yes.** That parent has completed all court-ordered evaluations, treatment, or classes.

Có. Phụ huynh đó đã hoàn thành tất cả các đánh giá, điều trị, và lớp học theo lệnh tòa yêu cầu.

List completed evaluations, treatment, or classes here:

Liệt kê các đánh giá, điều trị, và lớp học đã hoàn thành tại đây: _____

8. Request for restrictions on the parent with less parenting time

(RCW 26.09.260(4) and (8)).

Yêu cầu về các giới hạn cho phụ huynh có ít thời gian nuôi dạy con hơn

(RCW 26.09.260(4) và (8)).

No request.

Không có yêu cầu.

Limit – The children already live with me the majority of the time. To protect the children, I ask the court to limit the other parent’s parenting time and participation. The reasons for limitation are listed in my proposed *Parenting Plan* or *Residential Schedule*. (RCW 26.09.260(4))

Hạn Chế – The children already live with me the majority of the time. Để bảo vệ con cái, tôi yêu cầu tòa hạn chế thời gian và việc tham gia nuôi dạy con của phụ huynh kia. Các lý do hạn chế được liệt kê trong *Chương Trình Nuôi Dạy Con* hoặc *Lịch Biểu Sống Tại Nhà*. (RCW 26.09.260(4))

Adjust – The other parent is allowed some parenting time in the current parenting/custody order. But that parent has chosen not to spend any of their parenting time with the children for at least 1 year. I ask the court to adjust the parenting time for the other parent as shown in my proposed *Parenting Plan* or *Residential Schedule*. (RCW 26.09.260(8))

Hạn Chế – Phụ huynh kia được cho phép có một ít thời gian nuôi dạy con trong án lệnh giám hộ/nuôi dạy con hiện tại Nhưng phụ huynh đó đã lựa chọn không dành thời gian nuôi dạy con của họ với con cái trong tối thiểu 1 năm. Tôi yêu cầu tòa điều chỉnh thời gian nuôi dạy con cho phụ huynh còn lại như được thể hiện trong *Chương Trình Nuôi Dạy Con* hoặc *Lịch Biểu Sống Tại Nhà* đề xuất của tôi. *Chương Trình Nuôi Dạy Con* or *Lịch Biểu Sống Tại Nhà*. (RCW 26.09.260(8))

9. Request for other changes (RCW 26.09.260(10)).

Yêu cầu về các thay đổi khác (RCW 26.09.260(10)).

No request.

Không có yêu cầu.

Because of a substantial change in one parent’s/child’s situation, I ask the court to adjust the following (*check all that apply*):

Do bởi một sự thay đổi đáng kể về hoàn cảnh của một phụ huynh/một đứa trẻ, tôi yêu cầu tòa điều chỉnh những điều sau ((*đánh dấu tất cả nếu thích hợp*)):

dispute resolution
hòa giải tranh chấp

decision making
đưa ra quyết định

transportation arrangements
các sắp xếp đưa rước

[] other (specify): _____
khác (ghi rõ): _____

Explain:

Giải thích: _____

10. Child Support (RCW 26.09.170).

Tiền Cấp Dưỡng Con Cái (RCW 26.09.170).

[] No request. I am not asking the court to adjust or change child support.
Không có yêu cầu. Tôi đang không yêu cầu tòa điều chỉnh hoặc thay đổi tiền cấp dưỡng con cái.

[] My request to change the parenting schedule affects child support because:
Yêu cầu thay đổi lịch biểu nuôi dạy con của tôi ảnh hưởng tiền cấp dưỡng con cái bởi vì:

- I'm asking to change the parent the children live with most of the time, or
Tôi đang yêu cầu thay đổi phụ huynh mà con cái sống cùng trong hầu hết thời gian, hoặc
- I'm asking for a substantial change in the amount of time the children spend with the parent who pays child support.
Tôi đang yêu cầu một sự thay đổi đáng kể về lượng thời gian con cái dành cho phụ huynh là người trả tiền cấp dưỡng con cái.

If the court makes my requested changes, I also ask the court to set or change child support. I will file a *Financial Declaration* and proposed *Child Support Worksheets*. Nếu tòa thực hiện các thay đổi được yêu cầu của tôi, tôi cũng sẽ yêu cầu tòa thiết lập hoặc thay đổi tiền cấp dưỡng con cái. Tôi sẽ nộp một *Bản Khai Tài Chánh* và *Bảng Tính Tiền Cấp Dưỡng Con Cái* được đề xuất.

Warning! If the court does not change the parenting/custody order, your request to change child support may be denied. If you have other reasons to change child support, you may file separate forms to make that request (use form FL Modify 501 or 521).

Cảnh báo! Nếu tòa không thay đổi án lệnh giám hộ/nuôi dạy con, thì yêu cầu thay đổi tiền cấp dưỡng con cái của quý vị có thể bị từ chối. Nếu quý vị có các lý do khác để thay đổi tiền cấp dưỡng con cái, quý vị có thể nộp các mẫu đơn riêng để đưa ra yêu cầu đó (sử dụng mẫu đơn FL Sửa Đổi 501 hoặc 521).

11. Protection Order

Án Lệnh Bảo Vệ

Do you want the court to issue a Protection Order as part of the final orders in this case?
Quý vị có muốn tòa ban một Án Lệnh Bảo Vệ như một phần liên quan đến các án lệnh chính thức trong vụ kiện này không?

[] **No.** I do not want a Protection Order.
Không. Tôi không muốn một Án Lệnh Bảo Vệ.

[] **Yes.** (You must file a Petition for Protection Order, form P 001. You may file your Petition for Protection Order using the same case number assigned to this case.)

Có. (Quý vị phải nộp một Đơn Xin Án Lệnh Bảo Vệ, mẫu P 001. Quý vị có thể nộp Đơn Xin Án Lệnh Bảo Vệ sử dụng cùng số vụ kiện được giao cho vụ kiện này.)

Important! If you need protection **now**, ask the court clerk about getting a Temporary Protection Order.

Thông Tin Quan Trọng! Nếu quý vị cần bảo vệ **ngay bây giờ**, hãy đề nghị lục sự tòa về việc nhận một Án Lệnh Bảo Vệ Tạm Thời.

There already is a Protection Order between (name): _____ and me.

Đã có một Án Lệnh Bảo Vệ giữa (tên): và tôi.

Court that issued the order: _____

Tòa án mà ban hành án lệnh:

Case number: _____

Số vụ kiện:

Expiration date: _____

Ngày hết hạn:

12. Restraining Order Án Lệnh Ngăn Cấm

*Do you want the court to issue a Restraining Order as part of the final orders in this case?
Quý vị có muốn tòa ban một Án Lệnh Ngăn Cấm như một phần liên quan đến các án lệnh chính thức trong vụ kiện này không?*

No. (Skip to 13.)

Không. (Bỏ qua đến 13.)

Yes. Check the type of orders you want:

Có. Đánh dấu loại án lệnh quý vị muốn:

Do not disturb – Order (name/s) not to disturb my peace or the peace of any child listed in 3.

Không làm phiền – Lệnh cho ((các) tên) không làm phiền sự yên bình của tôi hoặc sự yên bình của bất kỳ đứa trẻ nào được liệt kê trong 3.

Stay away – Order (name/s) _____ not to go onto the grounds of or enter my home, workplace, vehicle, or school, and the daycare or school of any child listed in 3.

Tránh xa – Lệnh cho ((các) tên) không được lảng vảng gần hoặc đi vào nhà, nơi làm việc, xe cộ hoặc trường học của tôi, và nơi giữ trẻ ban ngày hoặc trường học của bất kỳ đứa trẻ nào được liệt kê trong 3.

Also, not knowingly to go or stay within _____ feet of my home, workplace, vehicle, or school, or the daycare or school of any child listed in 3.
Ngoài ra, không được cố ý đi hoặc ở trong vòng feet từ nhà, nơi làm việc, xe cộ hoặc trường học của tôi, và nơi giữ trẻ ban ngày hoặc bất cứ trường học nào của bất kỳ đứa trẻ nào được liệt kê trong 3.

Do not hurt or threaten – Order (name/s) _____ :
Không hãm hại hoặc hăm dọa – Lệnh cho ((các) tên)

- Not to assault, harass, stalk or molest me or any child listed in 3; and
Không được hành hung, quấy rối, săn đuổi, hoặc xâm hại tôi hay bất kỳ đứa trẻ nào được liệt kê trong 3; và
- Not to use, try to use, or threaten to use physical force against me or the children that would reasonably be expected to cause bodily injury.
Không được sử dụng, cố gắng sử dụng, hoặc hăm dọa để sử dụng vũ lực chống lại tôi hoặc các trẻ em được dự kiến một cách hợp lý là sẽ gây thương tích cơ thể.

Warning! *If the court makes this order, the court must consider if weapons restrictions are required by state law; federal law may also prohibit the Restrained Person from possessing firearms or ammunition.*

Cảnh báo! *Nếu tòa ra án lệnh này, thì tòa phải cân nhắc liệu xem những ngăn cấm vũ khí do luật tiểu bang yêu cầu; luật liên bang cũng có thể cấm chỉ Người Bị Ngăn Cấm không được sở hữu súng ống hoặc đạn dược.*

Prohibit weapons and order surrender – Order (name/s) _____ :
Cấm chỉ mang vũ khí và lệnh giao nộp – Lệnh ((các) tên):

- Not to access, possess, or obtain any firearms, other dangerous weapons, or concealed pistol licenses until the Order ends, and
Không được mang, sở hữu hoặc nhận lấy bất kỳ súng tay nào, các vũ khí nguy hiểm khác, hoặc giấy phép mang súng lục giấu kín cho đến khi Án Lệnh kết thúc, và
- To immediately surrender any firearms, other dangerous weapons, and any concealed pistol licenses that they possess to (check one): the police chief or sheriff. their lawyer. other person (name): _____.
Giao nộp ngay lập tức bất kỳ súng ống, các vũ khí nguy hiểm khác nào, và bất kỳ giấy phép mang súng lục giấu kín nào mà họ sở hữu để (đánh dấu chọn một): [-] trưởng phòng cảnh sát hoặc cảnh sát trưởng. [-] luật sư của họ. [-] người khác (tên):.

Other restraining orders:
Các án lệnh ngăn cấm khác: _____

Important! *If you want a restraining order now, you must file a Motion for Temporary Family Law Order and Restraining Order or a Motion for Immediate Restraining Order (Ex Parte).*

Thông Tin Quan Trọng! *Nếu quý vị muốn một án lệnh ngăn cấm ngay bây giờ, quý vị phải nộp một Thành Nguyên Thư Án Lệnh Luật Gia Đình Tạm Thời và Án Lệnh Ngăn Cấm hoặc một Thành Nguyên Thư Án Lệnh Ngăn Cấm Ngay Lập Tức (Từ Một Phía) (Án Lệnh Đơn Phương).*

**13. Children's Home/s
(Các) Nhà Của Những Đứa Trẻ**

During the past 5 years have any of the children lived:

Trong vòng 5 năm qua, có bất kỳ đứa trẻ nào đã sống:

- on an Indian reservation,
tại một biệt khu thổ dân châu Mỹ,
- outside Washington state,
bên ngoài tiểu bang Washington,
- in a foreign country, or
ở nước ngoài, hoặc
- with anyone who is not a party to this case?
với bất kỳ ai mà không phải là một bên trong vụ kiện này?

[] No. (Skip to 14.)

Không. (Bỏ qua đến 14.)

[] Yes. (Fill out below to show where each child has lived during the last 5 years.)

Có. (Điền vào bên dưới để cho thấy nơi mà mỗi đứa trẻ đã sống trong vòng 5 năm qua.)

Dates (Các) ngày	Children Con cái	Lived with Đã sống cùng với	In which state, Indian reservation, or foreign country Ở tiểu bang nào, một biệt khu thổ dân châu Mỹ, hoặc nước ngoài
From: Từ:	[] All children Tất cả mọi đứa con	[] Petitioner Nguyên Đơn	
To: Đến:	[] (Name/s): (Các/Tên):	[] Other (name): Khác (tên):	
From: Từ:	[] All children Tất cả mọi đứa con	[] Petitioner Nguyên Đơn	
To: Đến:	[] (Name/s): (Các/Tên):	[] Other (name): Khác (tên):	
From: Từ:	[] All children Tất cả mọi đứa con	[] Petitioner Nguyên Đơn	
To: Đến:	[] (Name/s): (Các/Tên):	[] Other (name): Khác (tên):	
From: Từ:	[] All children Tất cả mọi đứa con	[] Petitioner Nguyên Đơn	
To: Đến:	[] (Name/s): (Các/Tên):	[] Other (name): Khác (tên):	
From: Từ:	[] All children Tất cả mọi đứa con	[] Petitioner Nguyên Đơn	
To: Đến:	[] (Name/s): (Các/Tên):	[] Other (name): Khác (tên):	

14. Other people with a legal right to spend time with a child
Người khác có quyền hợp pháp để dành thời gian cho một đứa trẻ

Do you know of anyone besides the Petitioner and Respondent who has or claims to have a legal right to spend time with a child?

Quý vị có biết bất kỳ ai ngoài Nguyên Đơn và Bị Đơn có hoặc khẳng định là có quyền hợp pháp để dành thời gian với một đứa trẻ nào không?

(Check one): No. (Skip to 15.) Yes. (Fill out below.)

(Đánh dấu chọn một): Không. (Bỏ qua đến 15.) Có. (Điền vào bên dưới.)

Name of person Tên của người này	Children this person may have the right to spend time with Những đứa trẻ mà người này có thể có quyền dành thời gian cho
	<input type="checkbox"/> All children Tất cả mọi đứa con <input type="checkbox"/> (Name/s): (Các/Tên):
	<input type="checkbox"/> All children Tất cả mọi đứa con <input type="checkbox"/> (Name/s): (Các/Tên):

15. Other court cases involving a child
Các vụ kiện ở tòa khác liên quan đến một đứa trẻ

Do you know of any court cases involving any of the children?

Quý vị có biết bất kỳ vụ kiện nào của tòa có liên quan đến bất kỳ đứa trẻ nào không?

(Check one): Yes. (Fill out below.) No. (Skip to 16.)

(Đánh dấu chọn một): Có. (Điền vào bên dưới.) Không. (Bỏ qua đến 16.)

Kind of case (Family Law, Criminal, Protection Order, Juvenile, Dependency, Other) Loại vụ kiện (Luật Gia Đình, Tội Phạm, Án Lệnh Bảo Vệ, Trẻ Chưa Thành Niên, Tước Quyền Giám Hộ Trẻ Em, Khác)	County and State Quận hạt và Tiểu bang	Case number and year Số vụ kiện và năm	Children Con cái
			<input type="checkbox"/> All children Tất cả mọi đứa con <input type="checkbox"/> (Name/s): (Các/Tên):

Kind of case (Family Law, Criminal, Protection Order, Juvenile, Dependency, Other) Loại vụ kiện (Luật Gia Đình, Tội Phạm, Án Lệnh Bảo Vệ, Trẻ Chưa Thành Niên, Tước Quyền Giám Hộ Trẻ Em, Khác)	County and State Quận hạt và Tiểu bang	Case number and year Số vụ kiện và năm	Children Con cái
			<input type="checkbox"/> All children Tất cả mọi đứa con <input type="checkbox"/> (Name/s): (Các/Tên):
			<input type="checkbox"/> All children Tất cả mọi đứa con <input type="checkbox"/> (Name/s): (Các/Tên):

16. Jurisdiction over children (RCW 26.27.201–.231, .261, .271)

Thẩm quyền đối với những đứa trẻ (RCW 26.27.201–.231, .261, .271)

The court can change a parenting/custody order for the children because (check all that apply; if a box applies to all of the children, you may write “the children” instead of listing names):
Tòa có thể thay đổi một án lệnh giám hộ/nuôi dạy con cho những đứa trẻ bởi vì (đánh dấu tất cả nếu thích hợp; nếu một ô phù hợp cho tất cả những đứa trẻ, quý vị có thể viết “con cái” thay vì liệt kê tên):

- Washington order/exclusive, continuing jurisdiction** – The parenting plan/custody order I want to change was made by a Washington State court, and the court still has authority to make orders for (children’s names): _____

Án lệnh Washington/thẩm quyền liên tục, độc nhất – Án lệnh giám hộ/nuôi dạy con mà tôi muốn thay đổi đã được thực thi bởi một tòa Tiểu Bang Washington, và tòa án vẫn có quyền thực thi những án lệnh cho (tên của những đứa trẻ):

- Other state’s order** – The parenting/custody order I want to change was not made by a Washington state court **AND** (check one):

Án lệnh của tiểu bang khác – Án lệnh giám hộ/nuôi dạy con mà tôi muốn thay đổi đã không được thực hiện bởi một tòa tiểu bang Washington **VÀ** (đánh dấu chọn một):

- A court in the state (or tribe) that made the parenting/custody order has made another order saying that it no longer has jurisdiction **or** that it is better to have this case decided in Washington;
Một tòa tại tiểu bang (hoặc bộ tộc) mà đã thực thi án lệnh giám hộ/nuôi dạy con đã thực thi một án lệnh khác tuyên bố rằng họ không còn thẩm quyền **hoặc** rằng sẽ tốt hơn nếu vụ kiện này được quyết định tại Washington;
- No child, parent, or person acting as a parent still lives in the state (or tribal reservation) that made the order;
Không có đứa trẻ, phụ huynh, hoặc người đóng vai trò như phụ huynh nào mà vẫn sống tại tiểu bang (hoặc biệt khu bộ tộc) đã thực hiện án lệnh;

AND (check one):

VÀ (đánh dấu chọn một):

- Home state jurisdiction** – Washington is the children’s home state because (check all that apply):
- Thẩm quyền tiểu bang gốc** – Washington là tiểu bang gốc của những đứa trẻ bởi vì (đánh dấu tất cả nếu thích hợp):
- (Children’s names): _____ lived in Washington with a parent or someone acting as a parent for at least the 6 months just before this case was filed, or if the children are less than 6 months old, they have lived in Washington with a parent or someone acting as a parent since birth.
(Tên của những đứa trẻ): _____ đã sống tại Washington với cha/mẹ hoặc người nào đó đóng vai trò như cha mẹ trong vòng ít nhất 6 tháng trước khi vụ kiện được đệ trình, hoặc nếu những đứa trẻ nhỏ hơn 6 tháng tuổi và đã sống tại Washington với cha/mẹ hoặc người nào đó đóng vai trò như cha/mẹ kể từ khi sinh ra.
- There were times the children were not in Washington in the 6 months just before this case was filed (or since birth if they are less than 6 months old), but those were temporary absences.
Đã có những thời điểm những đứa trẻ đã không ở trong Washington trong 6 tháng ngay trước khi vụ kiện này được đệ trình (hoặc kể từ khi sinh ra nếu những đứa trẻ nhỏ hơn 6 tháng tuổi), nhưng đó là những sự vắng mặt tạm thời.
- (Children’s names): _____ do not live in Washington right now, but Washington was the children’s home state sometime in the 6 months just before this case was filed, and a parent or someone acting as a parent of the children still lives in Washington.
(Tên của những đứa trẻ): _____ hiện tại không sống tại Washington, nhưng Washington đã là tiểu bang quê nhà của những đứa trẻ ở một thời điểm nào đó trong 6 tháng ngay trước khi vụ kiện này được đệ trình, và cha/mẹ hoặc người nào đó đóng vai trò như cha/mẹ của những đứa trẻ vẫn sống tại Washington.
- (Children’s names): _____ do not have another home state.
(Tên của những đứa trẻ): _____ không có một tiểu bang gốc khác.
- No home state or home state declined** – No court of any other state (or tribe) has the jurisdiction to make decisions for (children’s names) _____ or a court in the children’s home state (or tribe) decided it is better to have this case in Washington, **and:**
Không có tiểu bang gốc hoặc từ chối bởi tiểu bang gốc – Không có tòa án nào hoặc bất kỳ tiểu bang nào (hoặc bộ tộc nào) _____ có thẩm quyền quyết định cho (tên của những đứa trẻ) **hoặc** một tòa án tại tiểu bang gốc (hoặc bộ tộc) đã quyết định rằng sẽ tốt hơn nếu tiến hành vụ kiện này tại Washington, **và:**
- The children and a parent or someone acting as a parent have ties to Washington beyond just living here (significant connection); **and**

Những đứa trẻ và cha/mẹ hoặc người nào đó đóng vai trò như cha/mẹ có những mối ràng buộc với Washington vượt ngoài phạm vi sinh sống tại đây (sự kết nối đáng chú ý); và

- There is a lot of information (substantial evidence) about the children's care, protection, education, and relationships in this state.

Có rất nhiều thông tin (chứng cứ đáng kể) về việc chăm sóc, bảo vệ, giáo dục và các mối liên hệ của những đứa trẻ tại tiểu bang này.

- Temporary emergency jurisdiction** – The parenting/custody order I want to change was **not** made by a Washington state court. A Washington court can make decisions for (*children's names*): _____ because the children are in this state now **and** were abandoned here **or** need emergency protection because the children (or the children's parent, brother or sister) were abused or threatened with abuse. Washington should take temporary emergency jurisdiction over the children until the Petitioner can get a court order from the state (or tribe) that made the original parenting/custody order.

Thẩm quyền trong trường hợp khẩn cấp tạm thời – Án lệnh giám hộ/nuôi dạy con mà tôi muốn thay đổi đã **không** được thực hiện bởi một tòa tiểu bang Washington. Một tòa án Washington có thể đưa ra những quyết định cho (*tên của những đứa trẻ*): bởi vì những đứa trẻ hiện đang ở trong tiểu bang này **và** đã bị bỏ rơi tại đây **hoặc** cần sự bảo vệ trong trường hợp khẩn cấp bởi vì những đứa trẻ (hoặc cha/mẹ, anh hoặc chị của những đứa trẻ) đã bị ngược đãi hoặc bị đe dọa ngược đãi. Washington nên nhận thẩm quyền trong trường hợp khẩn cấp tạm thời đối với những đứa trẻ cho đến khi Nguyên Đơn có thể lấy được một án lệnh tòa từ tiểu bang (hoặc bộ tộc) mà đã thực hiện án lệnh giám hộ/nuôi dạy con đầu tiên.

- Other reason (*specify*):

Lý do khác (*ghi rõ*): _____

17. Summary of requests

Tóm lược các yêu cầu

I ask the court to find that I have valid reasons for my *Petition* (adequate cause), and to approve the following orders (*check all that apply*):

Tôi yêu cầu tòa nhận thấy rằng tôi có các lý do chính đáng cho *Đơn Xin* của tôi (nguyên do thích đáng), và chấp thuận những án lệnh sau đây (*đánh dấu tất cả nếu thích hợp*):

- my proposed *Parenting Plan* or *Residential Schedule*
Chương Trình Nuôi Dạy Con hoặc *Lịch Biểu Sống Tại Nhà* được đề xuất của tôi
- my proposed *Child Support Order* setting or changing child support according to my proposed plan or schedule
Việc thiết lập *Án Lệnh Cấp Dưỡng Con Cái* được đề xuất của tôi hoặc thay đổi tiền cấp dưỡng con cái đúng theo chương trình hoặc lịch biểu được đề xuất của tôi
- Protection Order* or *Restraining Order*
Án Lệnh Bảo Vệ hoặc *Án Lệnh Ngăn Cấm*
- other (*specify*): _____
khác (*ghi rõ*): _____

Person filing this *Petition* fills out below:

Người nộp *Đơn Xin* này điền vào bên dưới:

I declare under penalty of perjury under the laws of the State of Washington that the facts I have provided on this form (including any attachments) are true. [] I have attached (#): ____ pages.
Chiếu theo qui định hình phạt về tội khai gian theo luật pháp của Tiểu Bang Washington, tôi xin cung khai rằng các sự kiện tôi cung cấp trên mẫu đơn này (bao gồm bất kỳ phần đính kèm nào) là đúng sự thực. [-] Tôi đã đính kèm (#): trang.

Signed at (city and state): _____ Date: _____
Đã ký tại (thành phố và tiểu bang): _____ Ngày: _____

▶ _____
Person filing Petition signs here Print name
Người nộp Đơn Xin ký tại đây Viết chữ in họ và tên

Lawyer (if any) for person filing this Petition fills out below:
Luật sư (nếu có) cho người nộp Đơn Xin điền vào bên dưới:

▶ _____
Lawyer signs here Print name and WSBA No. Date
Luật sư ký tại đây Viết chữ in họ và tên và Số WSBA Ngày

Warning! Documents filed with the court are available for anyone to see unless they are sealed. Financial, medical, and confidential reports, as described in General Rule 22, **must** be sealed so they can only be seen by the court, the other parties, and the lawyers in your case. Seal those documents by filing them separately, using a *Sealed* cover sheet (form FL All Family 011, 012, or 013). You may ask for an order to seal other documents.

Cảnh Báo! Các văn kiện được nộp lên tòa có sẵn cho bất kỳ ai xem trừ khi chúng được niêm phong. Các báo cáo tài chính, y khoa, và các báo cáo mật, như được miêu tả trong Qui Định Chung 22, **phải** được niêm phong để chỉ có tòa, bên khác, và các luật sư trong vụ kiện của quý vị mới có thể nhìn thấy các báo cáo này. Niêm phong các văn kiện này bằng cách nộp riêng sử dụng một tờ bì *Được Niêm Phong* (mẫu đơn FL Tất Cả Mọi Gia Đình 011, 012, hoặc 013). Quý vị có thể xin một án lệnh niêm phong các văn kiện khác.

[] **The other parent fills out below if they agree to join this Petition:**
Phụ huynh khác điền dưới đây nếu họ đồng ý tham gia vào Đơn Xin này:

I, (name): _____, agree to join this *Petition*. I understand that if I fill out and sign below, the court may approve the requests listed in this *Petition* including the proposed *Parenting Plan* unless I file and serve a *Response* before the court signs final orders. (Check one):

Tôi, (tên): _____, đồng ý tham gia vào *Đơn Xin* này. Tôi hiểu rằng nếu tôi điền và ký vào bên dưới, tòa án có thể chấp thuận các yêu cầu được liệt kê trong *Đơn Xin* này bao gồm *Chương Trình Nuôi Dạy Con* đề xuất trừ khi tôi nộp và tổng đạt một *Bản Trả Lời* trước khi tòa ký án lệnh chung quyết chính thức. (Đánh dấu chọn một):

[] I do not need to be notified about the court's hearings or decisions in this case.
Tôi không cần được thông báo về các phiên tòa hoặc các quyết định của tòa án trong vụ kiện này.

- [] The person who filed this *Petition* must notify me about any hearings in this case.
(List an address where you agree to accept legal documents. This may be a lawyer's address or any other address.)

Người đã nộp Đơn Xin này phải thông báo cho tôi biết về bất cứ phiên tòa nào trong vụ kiện này.

(Liệt kê một địa chỉ nơi quý vị đồng ý nhận các văn kiện pháp lý. Đây có thể là địa chỉ của luật sư hay bất kỳ địa chỉ nào khác.)

Street Number or P.O. Box	City	State	Zip
Địa chỉ Đường phố hoặc Hộp thư Bưu Điện	Thành phố	Tiểu bang	Mã zip

(If this address changes before the case ends, you **must** notify all parties and the court clerk in writing. You may use the Notice of Address Change form (FL All Family 120). You must also update your Confidential Information Form (FL All Family 001) if this case involves parentage or child support.)

(Nếu địa chỉ này thay đổi trước khi vụ kiện kết thúc, quý vị **phải** thông báo cho tất cả các bên và lục sự tòa bằng văn bản. Quý vị có thể sử dụng mẫu đơn Thông Báo Thay Đổi Địa Chỉ (FL Tất Cả Mọi Gia Đình 120). Quý vị cũng phải cập nhật Mẫu Đơn Thông Tin Mật (FL Tất Cả Mọi Gia Đình 001) của quý vị nếu vụ kiện này liên quan đến việc cấp dưỡng cha mẹ và con cái.)



Person joining Petition signs here
Người tham gia Đơn Xin ký tại đây

Print name
Viết chữ in họ và tên

Date
Ngày

Email: _____
Email: _____